

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 12 - 01-2021

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tâm và Bà Đỗ Kim Phụng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:*
Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2020 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp Quyết Th, xã An Tr A, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

- Chị Võ Ngọc M, sinh năm: 1983; Địa chỉ: ấp Huy H, xã Vĩnh M A, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

- Chị Võ Ngọc B, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Ấp Quyết Th, xã An Tr A, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

- Anh Võ An T, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp Quyết Th, xã An Tr A, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Võ Ngọc M, chị Võ Ngọc B, anh Võ An T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Th theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2020)

Bị đơn:

- Anh Võ Thành Đ, sinh năm 1977

- Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Ấp Quyết Ch, xã An Tr A, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thu V, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp Quyết Th, xã An Tr A, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu

- Bà Lê Hồng S, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp Quyết Ch, xã An Tr A, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

(bà Th, chị Th có mặt; anh Đ, bà V, bà S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền cho các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Ngày 25/11/2011 chị Nguyễn Thị Th có hỏi mượn chồng Bà là ông Võ Tấn L số tiền 352.000.000 đồng để nuôi nhêu biển cùng chồng của chị là Võ Thành Đ, khi mượn không làm giấy tờ. Việc mượn tiền có trả lãi nhưng không biết trả lãi thế nào vì ông L là người giao dịch trực tiếp. Năm 2012 chị Th và anh Đ đi xuất khẩu lao động và có gửi về trả được số tiền 251.550.000 đồng, còn nợ lại số tiền 100.450.000 đồng. Ngoài số tiền mượn của ông L, chị Th còn mượn 700.000 đồng để mua tôm giống và 9.300.000 đồng trả tiền hụi cho bà S (không nhớ thời gian mượn); tháng 03/2012 mượn 81.700.000 đồng trả tiền hụi bà V và tháng 5/2017 mượn 68.000.000 đồng trả tiền hụi bà V.

Năm 2015 chồng bà đã chết nên Bà và các con của bà yêu cầu anh Đ chị Th trả lại số tiền 100.450.000 đồng đã mượn của chồng bà và rút lại yêu cầu đối với số tiền 159.700.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Năm 2011 Chị có vay của ông Võ Tấn L là chú chồng của chị số tiền 210.000.000 đồng để nuôi nhêu sò, vay làm 03 lần, khi vay không làm giấy tờ. Việc vay tiền này chồng chị là anh Đ không biết. Tháng 02/2012 chị đi xuất khẩu lao động và có gửi tiền cho ông Võ Duy C (hiện đang cư ngụ tại Ustralia) nhờ ông Cường trả tiền còn nợ ông L. Đến năm 2014 chị đã trả nợ xong cho ông L. Nay không đồng ý trả số tiền 100.450.000 đồng theo yêu cầu của bà Th.

Thời gian vay Chị có trả lãi số tiền 283.500.000 đồng, tuy nhiên khi trả lãi không có gì chứng minh nên Chị không yêu cầu xem xét lại số lãi đã trả.

Bị đơn anh Võ Thành Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Th đã sống ly thân từ năm 2008, đến năm 2015 thì ly hôn, do đó việc chị Th vay tiền ông L, giao dịch hụi với bà S và bà V thế nào Anh đều không biết. Nay bà Th và các con Bà yêu cầu Anh và chị Th trả số tiền 100.450.000 đồng thì Anh không đồng ý.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn yêu cầu anh Đ và chị Th trả số tiền

100.450.000 đồng. Đề nghị đình chỉ số tiền 159.700.000 đồng. về án phí, buộc nguyên đơn phải chịu, bà Th được miễn tiền án phí do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa bà Th, chị M, chị B, anh T và anh Đ, chị Th là tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn anh Võ Thành Đ chị Nguyễn Thị Th có nơi cư trú tại Ấp Quyết Ch, xã An Tr A, huyện ĐH nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Th rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 159.700.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của Bà. Áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu này của bà Th.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 100.450.000 đồng của nguyên đơn: Phía nguyên đơn xác định số tiền chị Th mượn của ông L là 352.000.000 đồng, đã trả được 251.550.000 đồng nhưng phía bị đơn không thừa nhận, chỉ nhận có mượn của ông L 210.000.000 đồng. Phía nguyên đơn cung cấp cuốn sổ của ông Võ Tấn L để lại, tuy nhiên đây là cuốn sổ do ông L tự theo dõi, không có ký nhận của chị Th hoặc anh Đ, do đó chỉ chấp nhận số tiền vay là 210.000.000 đồng theo sự thừa nhận của bị đơn.

Tuy chị Th không có chứng cứ chứng minh việc chị đã thanh toán xong nợ vào năm 2014 nhưng bà Th đã thừa nhận việc chị Th có trả được số tiền 251.550.000 đồng. Sự thừa nhận của bà Th là căn cứ chứng minh cho lời khai của chị Th về việc đã thanh toán xong khoản nợ. Vậy không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc chị Th và anh Đ trả số tiền 100.450.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Đối với số tiền lãi 283.500.000 đồng chị Th khai đã đóng cho ông Lĩnh trong thời gian vay. Do chị Th, anh Đ không có giấy tờ chứng minh số tiền lãi đã đóng và có yêu cầu không xem xét tính lại nên không đặt ra xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: anh Võ An T, chị Võ Ngọc M và Võ Ngọc B phải chịu án phí là 3.750.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Th được miễn án phí do là người cao tuổi.

[5] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 227; Điều

228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th, chị Võ Ngọc M, chị Võ Ngọc B và anh Võ An T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Th và anh Võ Thành Đ phải thanh toán số tiền 100.450.000 đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th, chị Võ Ngọc M, chị Võ Ngọc B và anh Võ An T đối với số tiền buộc anh Đ và chị Th phải trả 159.700.000 đồng. Đương sự có quyền yêu cầu khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu đã rút theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Võ Ngọc M, chị Võ Ngọc B và anh Võ An T, mỗi người phải nộp số tiền án phí có giá ngạch là 1.250.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Th là người cao tuổi được miễn nộp án phí.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện DH;
- Cơ quan THA dân sự huyện DH;
- Lưu: HS, VT, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài